

trưởng Cục Quản lý Chất lượng, An toàn vệ sinh và Thú y thủy sản.

Điều 3. Chi cục Quản lý Chất lượng, An toàn vệ sinh và Thú y thủy sản vùng 6 có 01 Giám đốc phụ trách chung và không quá 2 Phó giám đốc giúp việc. Giám đốc Chi cục Quản lý Chất lượng, An toàn vệ sinh và Thú y thủy sản vùng 6 do Bộ trưởng Bộ Thủy sản bổ nhiệm theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Chất lượng, An toàn vệ sinh và Thú y thủy sản. Phó giám đốc Chi cục Quản lý Chất lượng, An toàn vệ sinh và Thú y thủy sản vùng 6 do Cục trưởng Cục Quản lý Chất lượng, An toàn vệ sinh và Thú y thủy sản bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Chi cục Quản lý Chất lượng, An toàn vệ sinh và Thú y thủy sản vùng 6 sau khi có ý kiến thỏa thuận của Bộ Thủy sản.

Ngoài số biên chế hưởng lương do ngân sách nhà nước cấp, Chi cục Quản lý Chất lượng, An toàn vệ sinh và Thú y thủy sản vùng 6 được tuyển dụng thêm lao động hợp đồng hưởng lương từ nguồn thu phí, lệ phí và dịch vụ kỹ thuật theo quy định của pháp luật nhằm đáp ứng yêu cầu hoàn thành nhiệm vụ được giao. Chỉ tiêu biên chế công chức và lao động hợp đồng của Chi cục do Cục trưởng Cục Quản lý Chất lượng, An toàn vệ sinh và Thú y thủy sản phân bổ sau khi có ý kiến chấp thuận của Bộ Thủy sản.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo, thay thế Quyết định số 722/1998/TS-QĐ

ngày 10/12/1998 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản.

Điều 5. Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các Cục, Vụ, Chánh Thanh tra Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý Chất lượng, An toàn vệ sinh và Thú y thủy sản và Giám đốc Chi cục Quản lý Chất lượng, An toàn vệ sinh và Thú y thủy sản vùng 6 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ THỦY SẢN

Thủ trưởng

Nguyễn Thị Hồng Minh

BỘ THƯƠNG MẠI

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Thương mại số **497/2004/QĐ-BTM** ngày **23/4/2004** ủy quyền Ban quản lý khu công nghiệp tỉnh Nam Định quản lý hoạt động xuất nhập khẩu và hoạt động thương mại của các doanh nghiệp khu công nghiệp.

BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI

Căn cứ Nghị định số 29/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2004 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Thương mại;

Căn cứ Quy chế Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao ban hành kèm theo Nghị định số 36/CP ngày 24 tháng 4 năm 1997 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 238/2003/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Nam Định;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định tại Công văn số 43/2004/UB-VP5 ngày 20 tháng 02 năm 2004 và của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Nam Định tại Công văn số 75/CV-BQL ngày 09 tháng 4 năm 2004,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ủy quyền cho Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Nam Định (sau đây gọi tắt là Ban quản lý) quản lý hoạt động xuất nhập khẩu và hoạt động thương mại đối với các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp tỉnh Nam Định.

Điều 2. Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Nam Định xét duyệt kế hoạch nhập khẩu và quản lý hoạt động thương mại của các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp theo nội dung sau:

1. Về hoạt động xuất nhập khẩu:

a) Đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài:

1.1. Ban quản lý xét duyệt kế hoạch nhập khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các bên hợp doanh trên cơ sở hợp đồng hợp tác kinh doanh đầu tư trong các khu công nghiệp tỉnh Nam Định, bảo đảm thực hiện đúng Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày 12 tháng 11 năm 1996, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày 19 tháng 6 năm 2000, Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2000 và Nghị định số 27/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2003 của Chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan phù hợp với Giấy phép đầu tư, Giấy phép kinh doanh, Giải trình Kinh tế kỹ thuật, thiết kế kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến quản lý điều hành xuất nhập khẩu. Bao gồm các hoạt động sau đây:

1.1.1. Duyệt kế hoạch nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển, vật tư để tạo tài sản cố định, kế hoạch nhập khẩu nguyên liệu sản xuất và xác nhận miễn thuế nhập khẩu đối với máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển, vật tư, phụ tùng thay thế để lắp đặt đầu tư tạo tài sản cố định, bao gồm cả việc nhập khẩu để tạo tài sản bằng phương thức thuê mua tài chính của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đóng tại các khu công nghiệp tỉnh Nam Định.

1.1.2. Duyệt kế hoạch tạm nhập máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển

thuê của nước ngoài chưa có trong dây chuyền công nghệ để hoạt động của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

1.1.3. Duyệt kế hoạch nhập khẩu vật tư, nguyên liệu cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo Giấy phép đầu tư phù hợp với Quyết định số 46/2001/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về điều hành xuất nhập khẩu hàng hóa năm 2001 - 2005, Thông tư số 11/2001/TT-BTM ngày 18 tháng 4 năm 2001 của Bộ Thương mại hướng dẫn thực hiện Quyết định số 46/2001/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2001.

1.2. Việc xuất nhập khẩu của doanh nghiệp chế xuất được thực hiện theo quy định tại Điều 38 và 39 của Quy chế Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao ban hành kèm theo Nghị định số 36/CP ngày 24 tháng 4 năm 1997 của Chính phủ, Quyết định số 53/1999/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ.

1.3. Việc mua bán hàng hóa giữa doanh nghiệp chế xuất với thị trường nội địa: thực hiện theo Thông tư của Bộ Thương mại số 23/1999/TT-BTM ngày 26 tháng 7 năm 1999 về hướng dẫn Quyết định số 53/1999/QĐ-TTg về việc mua bán hàng hóa với doanh nghiệp chế xuất và Thông tư số 22/2000/TT-BTM ngày 15 tháng 12 năm 2000 và Thông tư số 26/2001/TT-BTM ngày 04 tháng 12 năm 2001 của Bộ Thương mại.

b) Đối với doanh nghiệp Việt Nam:

1.4. Hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp Việt Nam trong khu công nghiệp thực hiện theo Nghị định số 57/1998/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, gia công và đại lý mua bán hàng hóa với nước ngoài, Nghị định số 44/2001/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2001 của Chính phủ quy định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/1998/NĐ-CP, Quyết định số 46/2001/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2001 - 2005, Thông tư số 18/1998/TT-BTM ngày 28 tháng 8 năm 1998 của Bộ Thương mại hướng dẫn thực hiện Nghị định số 57/1998/NĐ-CP, Thông tư số 20/2001/TT-BTM ngày 17 tháng 8 năm 2001 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 44/2001/NĐ-CP.

1.5. Việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư xây dựng của các doanh nghiệp Việt Nam thuộc các thành phần kinh tế hoạt động trong các khu công nghiệp thực hiện theo Nghị định của Chính phủ số 88/1999/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 1999 về việc ban hành Quy chế đấu thầu, Nghị định sửa đổi, bổ sung số 14/2000/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2000; Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 8/7/1999 ban hành Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng, Nghị định sửa đổi, bổ sung số 12/2000/

NĐ-CP ngày 05/5/2000; Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2003 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/1999/NĐ-CP, Nghị định số 51/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 quy định chi tiết thi hành Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Bộ Thương mại xem xét và cho phép thực hiện nhập khẩu máy móc thiết bị bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 91/TTg ngày 13 tháng 12 năm 1992.

2. Về gia công hàng xuất khẩu:

2.1. Việc gia công hàng hóa giữa doanh nghiệp khu công nghiệp với nước ngoài thực hiện theo Nghị định số 57/1998/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, gia công và đại lý mua bán hàng hóa với nước ngoài và Thông tư số 18/1998/TT-BTM ngày 28 tháng 8 năm 1998 của Bộ Thương mại hướng dẫn thực hiện Nghị định số 57/1998/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 22/2000/TT-BTM ngày 15/12/2000 và Thông tư số 26/2001/TT-BTM ngày 04 tháng 12 năm 2001 của Bộ Thương mại, Thông tư số 20/2001/TT-BTM ngày 17 tháng 8 năm 2001 của Bộ Thương mại hướng dẫn thực hiện Nghị định số 44/2001/NĐ-CP.

Thủ tục đăng ký hợp đồng gia công được thực hiện tại Hải quan cửa khẩu. Ban quản lý không duyệt hợp đồng gia

công ký với nước ngoài của các doanh nghiệp.

2.2. Việc gia công hàng hóa giữa doanh nghiệp khu công nghiệp và doanh nghiệp chế xuất được coi là gia công với thương nhân nước ngoài và thực hiện theo quy định tại Thông tư số 26/1999/TT-BTM ngày 19 tháng 8 năm 1999 của Bộ Thương mại.

2.3. Đối với hợp đồng gia công hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu hoặc tạm ngừng xuất khẩu, nhập khẩu, doanh nghiệp chỉ được thực hiện sau khi có văn bản chấp thuận của Bộ Thương mại theo quy định tại Nghị định số 57/1998/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Về cấp Giấy chứng nhận xuất xứ

Ban quản lý cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa FORM D với các nước ASEAN cho các doanh nghiệp Việt Nam và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong Khu công nghiệp theo hướng dẫn của Bộ Thương mại.

Điều 3. Hàng quý Ban quản lý gửi về Bộ Thương mại báo cáo thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo hướng dẫn của Bộ Thương mại tại Thông tư số 22/2000/TT-BTM ngày 15 tháng 12 năm 2000 của Bộ Thương mại.

Điều 4. Bộ Thương mại định kỳ tổ chức kiểm tra việc thực hiện những quy định trong Quyết định ủy quyền này theo quy định của pháp luật.

www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: 84-8-3845 6684
Fax: 84-8-3845 6684
LAWSOFT

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo./.

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Di sản văn hóa,

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI

Thứ trưởng

Lê Danh Vĩnh

BỘ VĂN HÓA - THÔNG TIN

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin số 16/2004/QĐ-BVHTT ngày 29/4/2004 về việc xếp hạng di tích quốc gia.

BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA - THÔNG TIN

Căn cứ Nghị định số 63/2003/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa - Thông tin;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa và Nghị định số 92/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2002 quy định chi tiết một số điều của Luật Di sản văn hóa;

Căn cứ hồ sơ di tích và đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xếp hạng:

Di tích lịch sử NGÃ BA CÒ NÒI

Xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Điều 2. Nghiêm cấm mọi hoạt động xây dựng khai thác trong những khu vực di tích đã khoanh vùng bảo vệ. Trường hợp đặc biệt sử dụng đất đai ở di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh phải được phép của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin.

Điều 3. Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quyền quản lý nhà nước đối với di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh theo luật định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 5. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Di sản văn hóa, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh Sơn La chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG

BỘ VĂN HÓA - THÔNG TIN

Phạm Quang Nghị